SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: **Tổ chức thi công** — Thi lần: 01
Ngành : Xây dựng CN & DD — Học kỳ : II
Lớp : 11XD1 — Khóa: 07 (2011-2013) — Năm học: 2012-2013
Giờ thi: 7h30 — Ngày thi: 05/06/2013 — Phòng thi: A 3.1

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ giấy thi	Thí sinh (ký)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	11XD001	Nguyễn Thiên	**Ân**	23/01/1986	8		10		9.3	1		4,0	Bốn	
2	11XD005	Mào Thị Thái	**Châu**	03/05/1991	8		10		9.3	1		4,0	Bốn	
3	11XD006	Phạm Tấn	**Chương**	20/02/1989	8		9		8.7	1		5,0	Năm	K4 R
4	11XD007	Võ Tuấn	**Công**	05/04/1993	6		9		8.0	1		4,0	Bốn	
5	11XD008	Nguyễn Sơn	**Cường**	27/10/1988	7		7		7.0	1		4,0	Bốn	
6	11XD010	Lê Phước	**Danh**	01/01/1991	7		8		7.7			4,0	Bốn	K4+K3 thiếu 1000K
7	11XD011	Trần Quang	**Diệu**	28/03/1992	6		10		8.7	1		4,0	Bốn	
8	11XD014	Trần Nguyễn Anh	**Dũng**	02/10/1990	8		9		8.7	1		4,0	Bốn	
9	11XD015	Phan Thanh	**Duy**	20/12/1991	8		9		8.7	1		4,0	Bốn	
10	11XD016	Nguyễn Trung	**Giang**	09/02/1993	6		9		8.0	1		4,0	Bốn	
11	11XD024	Phan Văn	**Hưng**	18/02/1992	6		9		8.0	1		5,0	Năm	
12	11XD025	Nguyễn Hoàng	**Huy**	09/06/1987	6		9		8.0	1		4,0	Bốn	
13	11XD028	Trần Lục Anh	**Kỳ**	05/08/1993	6		9		8.0	1		4,0	Bốn	K4 thiếu 600K
14	11XD031	Huỳnh Ngọc	**Linh**	10/02/1992	7		10		9.0	1		5,0	Năm	K4 R
15	11XD032	Lâm Xuân	**Long**	20/01/1993	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	
16	11XD035	Nguyễn Văn	**Mẫn**	06/06/1992	6		8		7.3	1		4,0	Bốn	
17	11XD036	Bùi Quốc Công	**Minh**	22/05/1993	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	
18	11XD037	Nguyễn Hoài	**Nam**	24/02/1990	6		9		8.0	1		3,0	Ba	
19	11XD038	Lý Quốc	**Nam**	12/05/1991	8		9		8.7	1		3,0	Ba	K4 thiếu R 600K
20	11XD040	Nguyễn Minh	**Ngọc**	03/03/1993	6		9		8.0	1		4,0	Bốn	
21	11XD042	Vũ Minh	**Nhật**	25/08/1992	6		9		8.0	1		2,0	Hai	K4 R
22	11XD043	Nguyễn Trí	**Nhiên**	08/06/1991	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	K4R
23	11XD044	Nguyễn Viết	**Phúc**	08/01/1992	6		8		7.3	1		4,0	Bốn	
24	11XD046	Nguyễn Lâm Trường	**Quân**	12/02/1993	8		9		8.7	1		4,0	Bốn	
25	11XD048	Lê Văn	**Sang**	01/01/1992	7		9		8.3	1		3,0	Ba	
26	11XD049	Trương Minh	**Sơn**	08/11/1983	6		9		8.0	1		3,0	Ba	
27	11XD050	Phạm Văn	**Sum**	20/05/1993	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ giấy thi	Thí sinh (ký)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
28	11XD053	Phạm Trần Hoàng	**Tân**	06/08/1992	6		9		8.0	1		3,0	Ba	K4 R
29	11XD057	Phan Đình	**Thi**	01/10/1992	6		8		7.3	1		5,0	Năm	
30	11XD058	Võ Nguyên	**Thuận**	16/06/1993	6		9		8.0	1		4,0	Bốn	
31	11XD062	Nguyễn Hữu	**Tính**	23/12/1993	6		9		8.0	1		3,0	Ba	
32	11XD063	Đỗ Duy	**Toàn**	09/09/1988	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	
33	11XD065	Ngưu Ngọc	**Trại**	04/10/1987	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	
34	11XD066	Nguyễn Thị Ngọc	**Trâm**	12/11/1993	8		10		9.3	1		4,0	Bốn	
35	11XD069	Nguyễn Chí	**Trung**	21/05/1991	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	
36	11XD071	Hoàng Quốc	**Trưởng**	19/05/1992	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	
37	11XD073	Trương Hoàng	**Tú**	04/05/1993	7		9		8.3	1		6,0	Sáu	
38	11XD074	Hoàng Đình	**Tuân**	17/02/1991	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	
39	11XD075	Nguyễn Trương Anh	**Tuấn**	11/11/1992	7		9		8.3	1		5,0	Năm	
40	11XD076	Nguyễn Trung	**Tuấn**	20/10/1991	7		9		8.3	1		5,0	Năm	
41	11XD077	Lương Quang	**Tùng**	10/02/1986	7		9		8.3	1		5,0	Năm	K4
42	11XD079	Lê Hoài	**Vi**	20/12/1992	6		9		8.0	1		5,0	Năm	
43	11XD080	Đỗ Tuấn	**Vũ**	25/03/1990	5		7		6.3	1		3,0	Ba	
44	11XD201	Phạm Văn	**Tiến**	30/03/1985	6		7		6.7	1		6,0	Sáu	K4 thiếu 1.10 K
45	11XD034	Đặng Tấn	**Lực**	16/07/1986	7		9		8.3	1		4,0	Bốn	

Tổng số : **45** thí sinh.

TP. HCM, ngày 28 tháng 05 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG 29/5/2013

(Duyệt)

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ-KỸ THUẬT SÀI GÒN

ThS. Nguyễn Việt Dũng

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Như Quỳnh

+ Số thí sinh có mặt: ..45...
+ Số thí sinh vắng mặt: ..0.....
+ Số bài thi:.....45
+ Số tờ giấy thi:...45.

Ghi chú:

+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.
* Ngày giao - nhận:....25/06/2013.....
* Người giao *(Ký, họ tên)* :.....
* Người giao *(Ký, họ tên)* :.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi đủ họ tên)

Trần Minh Hưng

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi đủ họ tên)

Vũ Thị Thiều

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi đủ họ tên)

Phạm Bá Mia

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi đủ họ tên)